TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:150/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu

2. Ông Phú Minh Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1531/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1754/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê NT, sinh năm 1989; Địa chỉ: số nhà 73 X, thị trấn Y, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn PH, sinh năm 1988; Địa chỉ: A18 bis A, Phường B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt bà T và ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê NT trình bày:

Bà và ông Nguyễn PH tự nguyện chung sống từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2013.

Thời gian chung sống không hạnh phúc do hai bên thường xuyên cãi vã và ông H thường xuyên đánh đập bà do ông H không chung thủy có mối quan hệ bên ngoài nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai bên đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Thời gian chung sống hai bên có 01 con chung tên Nguyễn Lê CT sinh ngày 31 tháng 7 năm 2015; Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Tại bản khai ngày 21/02/2022 bà T trình bày: giữ nguyên yêu cầu giải quyết về ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Bị đơn ông Nguyễn PH đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Bà Lê NT có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án được ly hôn ông Hnhư đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản khai trong quá trình tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát Quận 1, Tp Hồ Chí Minh phát biểu:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo hướng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê NT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét: Bà Lê NT và ông Nguyễn PH tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2013 là hôn nhân hợp pháp, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H cư trú tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận l, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê NT yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn PH.*

[5] Xét: Nội dung trình bày của bà T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Mâu thuẫn phát sinh do hai bên không hòa hợp, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh phúc ông H thường xuyên đánh đập bà T nên hai bên đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay; trong suốt quá trình tố tụng, ông H không đến tòa làm việc cũng như hòa giải tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn do hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

[6] Về con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê CT sinh ngày 31/7/2015; Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] *Về tài sản chung:* Không có; Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê NT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn.

[9] Về quyền kháng cáo: Bà T, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà Lê NT được ly hôn ông Nguyễn PH (Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2013).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê NT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036145 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê NT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Lê NT và ông Nguyễn PH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. Q1, Tp.HCM;
- Ủy ban nhân dân phường B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014);
- Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sỹ Hùng